

Số: 21/2019/QĐST-DS

Yên Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2019.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị N.

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

* **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn A.

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn A về việc chia khối tài sản chung gồm:

- 01 thửa đất 890.7m², tọa lạc tại vị trí: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang, thửa số 13, tờ bản đồ số: TĐ 15-2013 do UBND huyện Y cấp ngày 26/12/2013 mang tên ông Hoàng Văn A và bà Vũ Thị N các đương sự thỏa thuận chia làm hai phần bằng nhau. Cụ thể: Thửa đất có chiều rộng mặt tiền giáp đường nhựa là 25.93m chia đôi bà Nhuận, ông An mỗi người được sử dụng 12.96m. Từ điểm mốc phân chia này kéo thước dọc theo thửa đất để chia làm hai phần có diện tích bằng nhau.

- 01 ngôi nhà xây cấp 4 ba gian trên thửa đất 890.7m² nêu trên, diện tích 85.56m². Bà N và ông A thống nhất tự thỏa thuận chia ngôi nhà thành hai phần bằng nhau.

- Đối với thửa đất và ngôi nhà bà N và ông A thỏa thuận, ông A sẽ lấy phần đất và một nửa ngôi nhà tiếp giáp với trung tâm G; bà N sẽ lấy phần đất và một nửa ngôi nhà tiếp giáp với nhà ông Bàn Văn T.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/PL- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Vũ Thị N phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền 5.550.000đ (năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: BB/2013/05784 ngày 17/9/2019; ông Hoàng Văn A phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị N và ông Hoàng Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y có trách nhiệm trả lại cho bà Vũ Thị N số tiền 5.475.000đ (năm triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí chênh lệch.

- Về chi phí tố tụng:

+ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Bà Vũ Thị N chịu 1.000.000^d (một triệu đồng), bà N đã nộp tạm ứng xong.

+ Chi phí định giá tài sản: Ông Hoàng Văn A phải hoàn trả cho bà Vũ Thị N số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) mà bà N đã nộp tạm ứng cho việc định giá tài sản.

Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Chiêu

